



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Ngày 30/06/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.1%	5.5%	12.7%

DT thuần Q2/25
162
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00 5.9%
YoY: ▼166 -50.6%

LN thuần Q2/25
40.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.60 -17.5%
YoY: ▼9.10 -18.3%

LN sau thuế Q2/25
27.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.2 -32.1%
YoY: ▲ 2.40 9.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
56.4%
YoY: +/- ▼ 10.7%

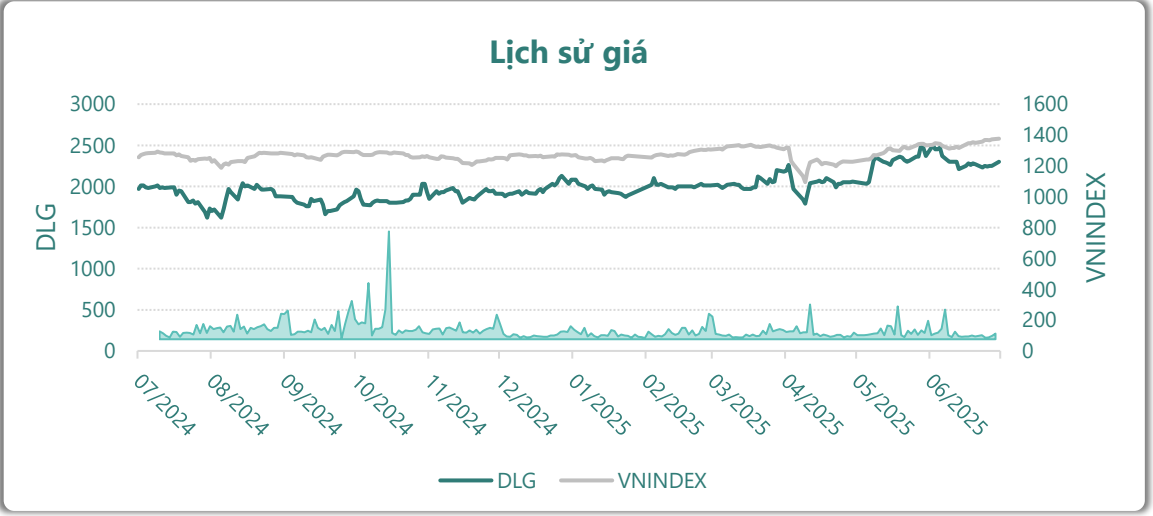
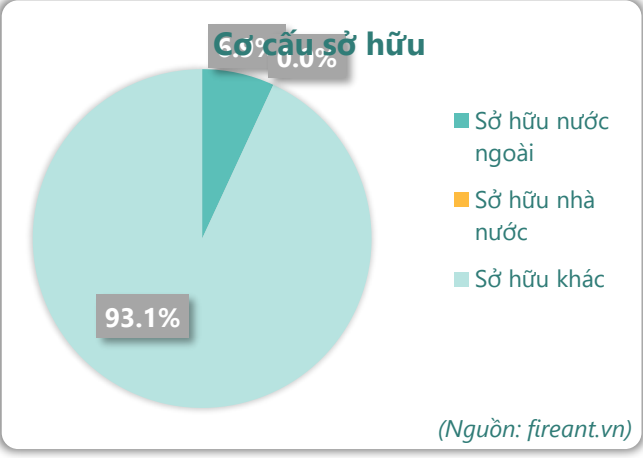
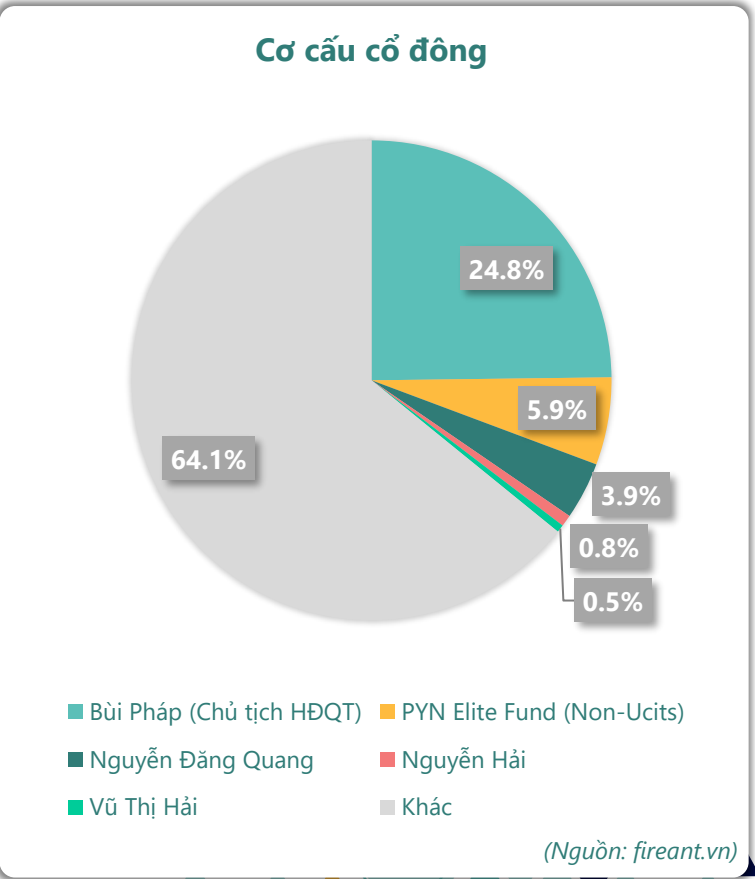
ROE (TTM) Q2/25
29.6%
YoY: +/- ▼ 1.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	1,620 - 2,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	688
Số lượng CPLH (CP)	299,309,720
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,312,655
Sở hữu nước ngoài	6.9%
Beta	1.02
EPS	698
P/E	3.3

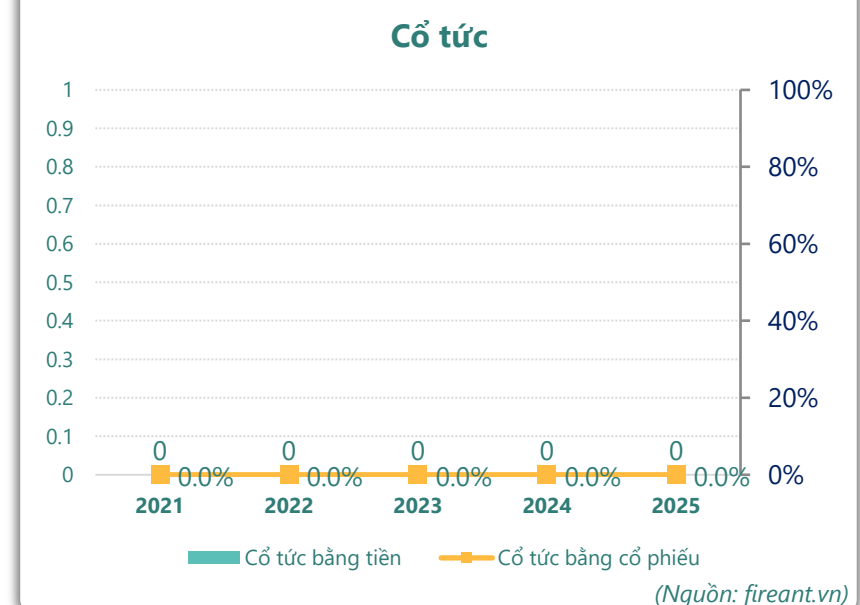
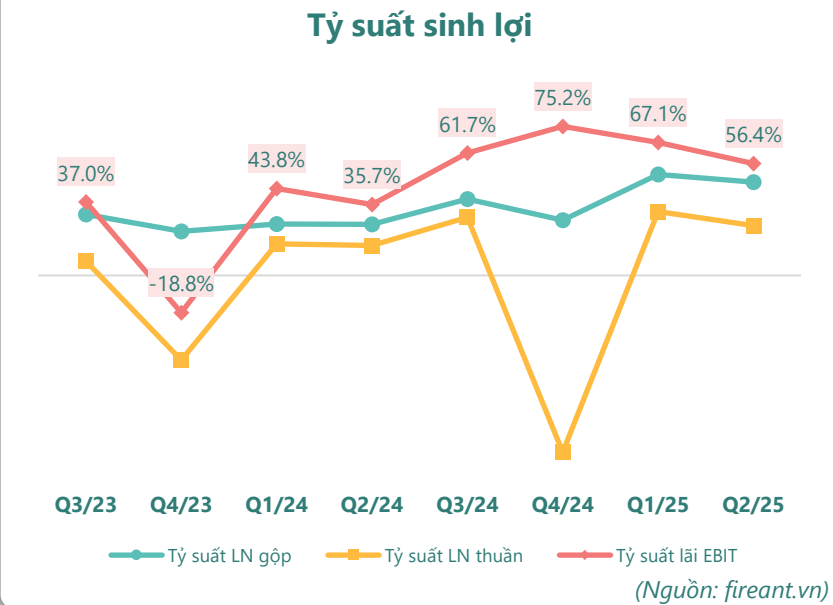
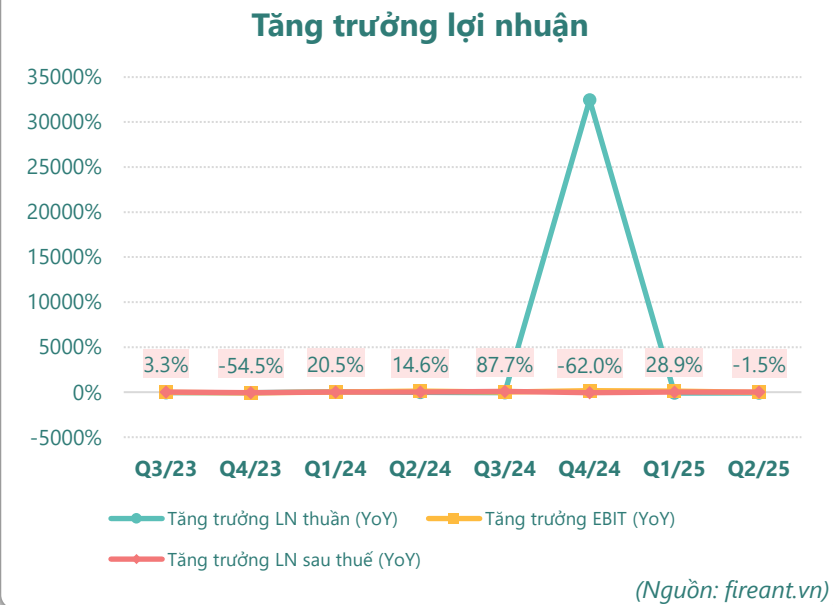
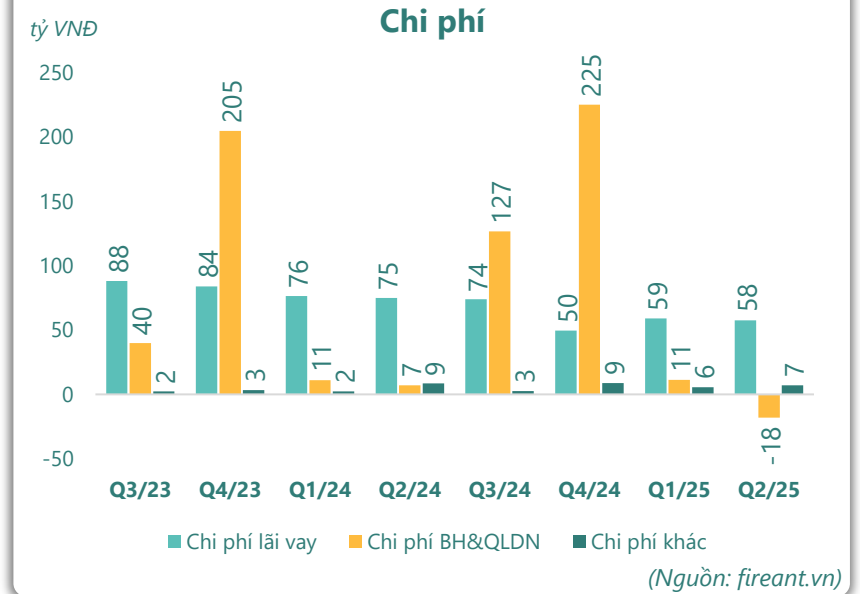
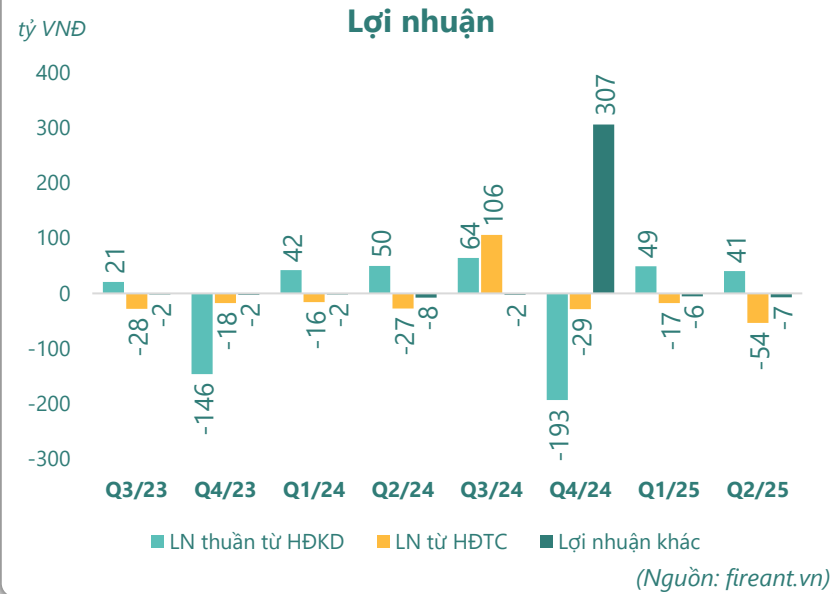
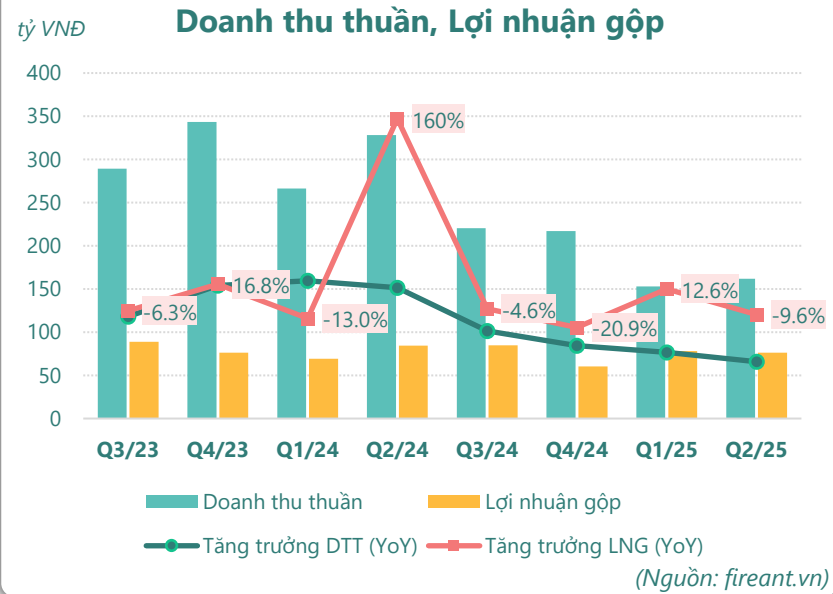
DT thuần 6T 2025
315
tỷ VNĐ
YoY: ▼280 -47.0%

LN thuần 6T 2025
90.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.30 -2.5%

LN sau thuế 6T 2025
69.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.00 13.0%



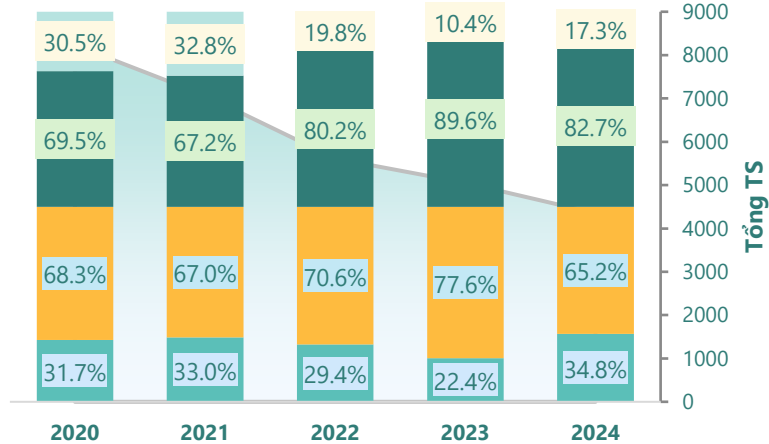
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

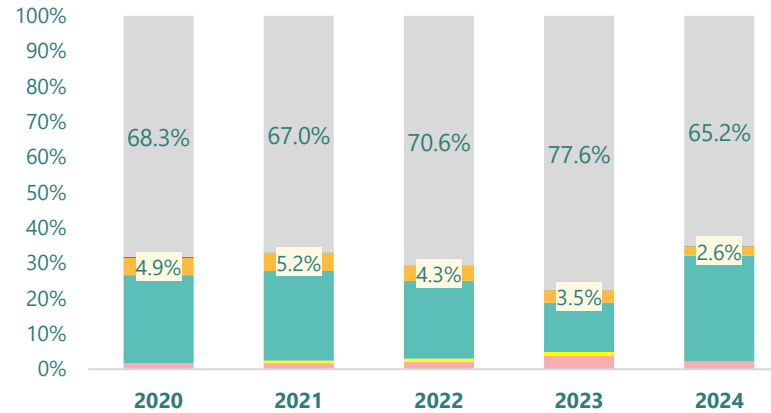
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

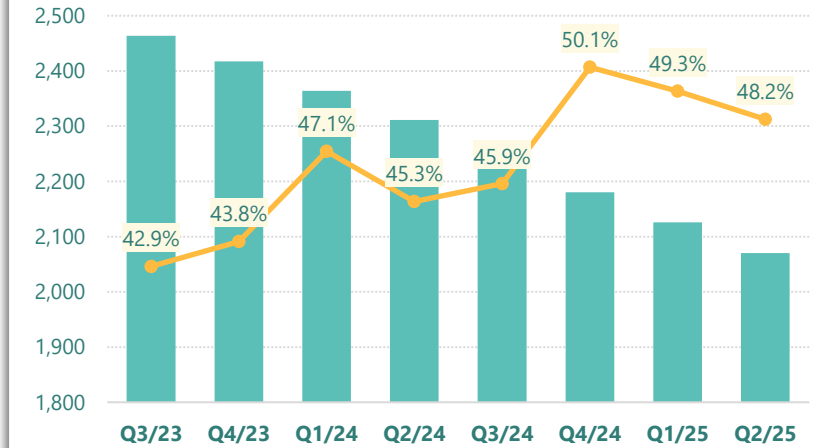


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

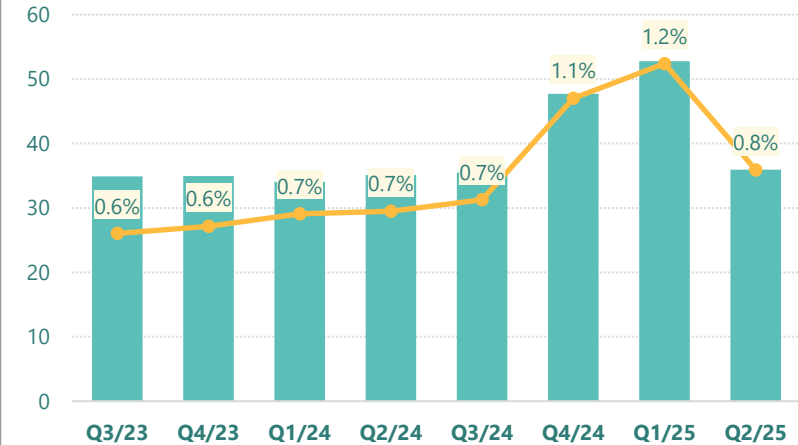


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

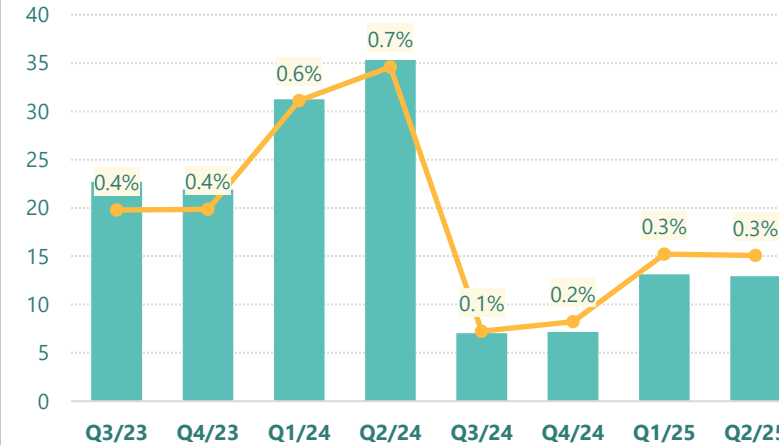


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

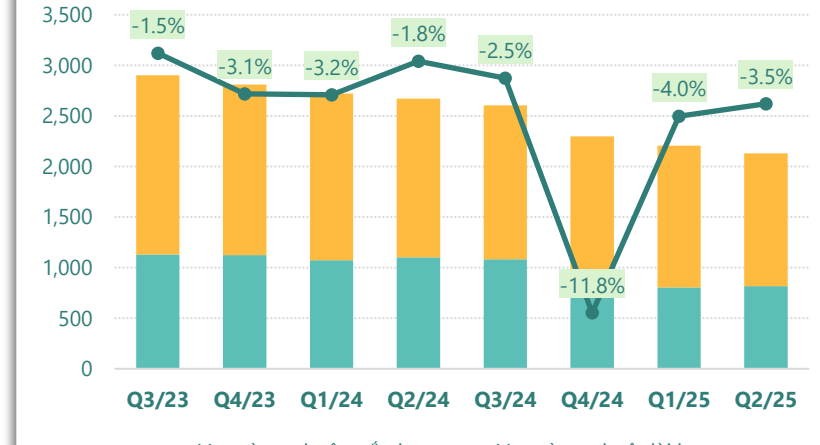


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

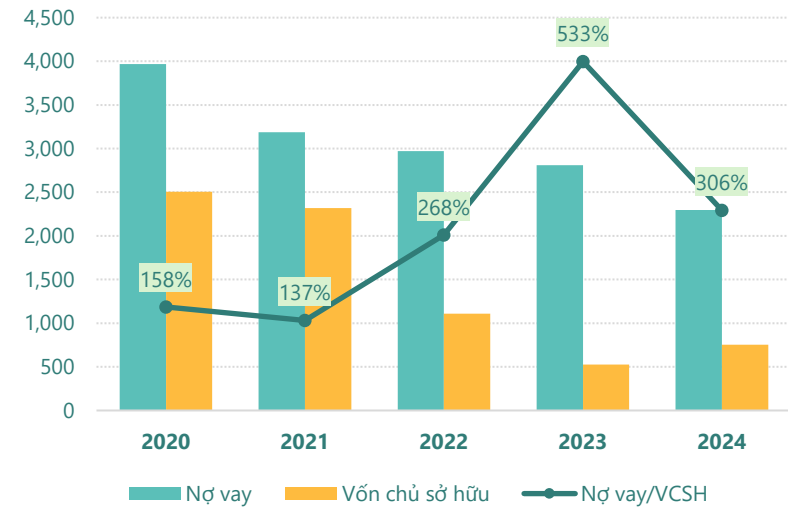
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

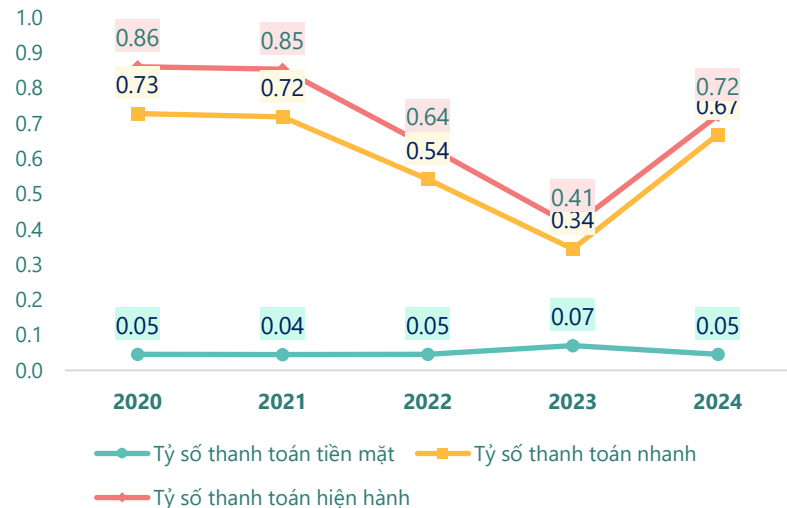
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



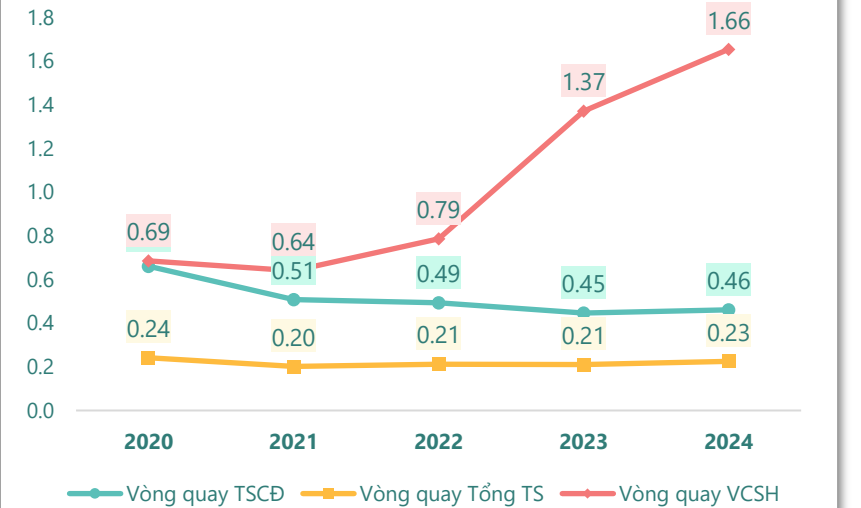
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



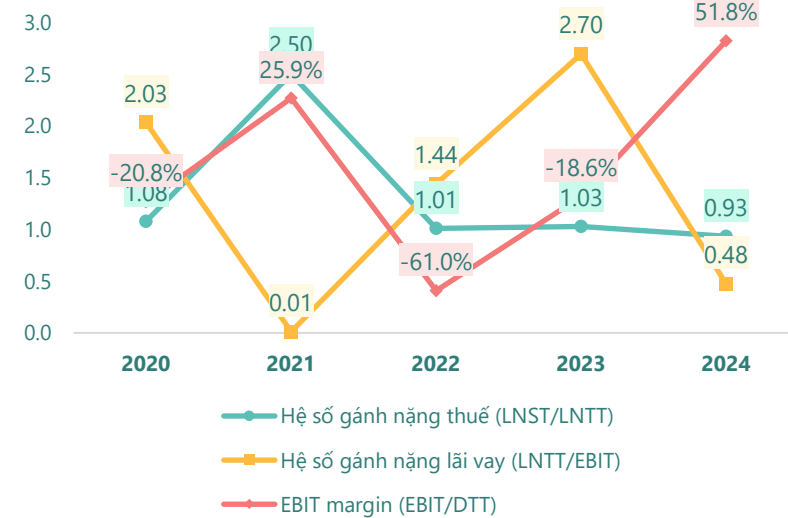
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



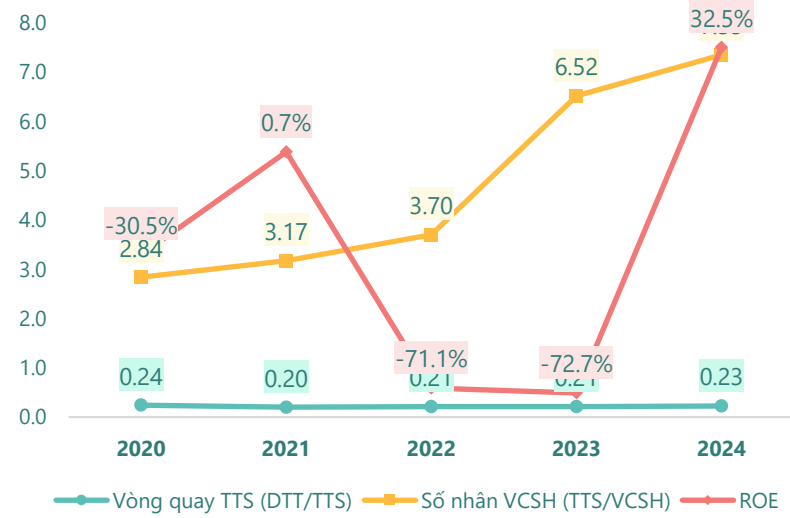
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



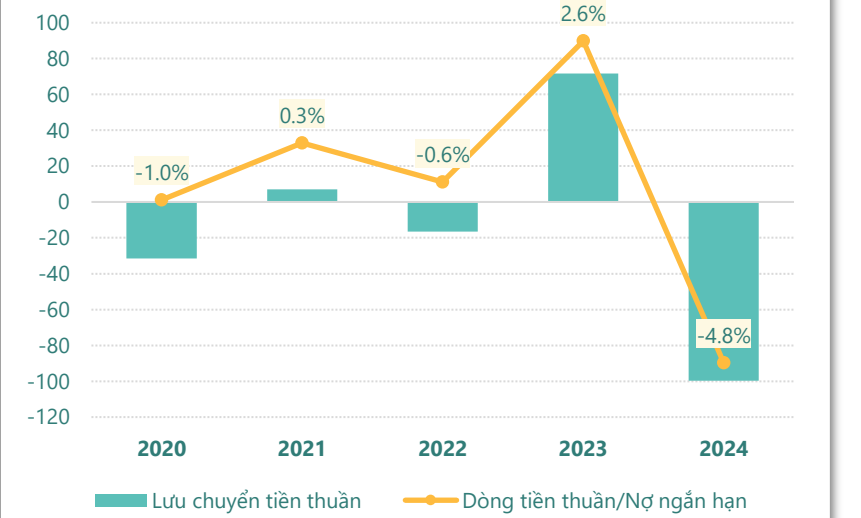
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	162	328	-50.6%	315	595	-47.0%
Giá vốn hàng bán	85.7	244	-64.9%	161	441	-63.5%
Lợi nhuận gộp	76.3	84.5	-9.7%	154	154	0.4%
Doanh thu HĐTC	12.7	56.7	-77.7%	54.3	108	-49.9%
Chi phí TC	66.2	84.1	-21.3%	125	152	-17.4%
Chi phí lãi vay	57.6	75.0	-23.2%	117	151	-23.0%
LN trong công ty LKLD	-0.20	-0.25	18.7%	-0.15	-0.16	6.6%
Chi phí bán hàng	0.02	2.76	-99.1%	0.05	5.17	-99.1%
Chi phí QLDN	-18.1	4.28	-524%	-6.82	12.9	-153%
LN thuần từ HĐKD	40.7	49.8	-18.3%	90.0	92.3	-2.5%
Lợi nhuận khác	-7.03	-7.58	7.3%	-12.7	-9.70	-30.4%
LN trước thuế	33.7	42.2	-20.2%	77.3	82.6	-6.3%
Lợi nhuận sau thuế	27.9	25.5	9.4%	69.0	61.0	13.0%
LNST của CĐ cty mẹ	16.8	19.6	-14.2%	45.2	47.2	-4.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	96.6	53.5	8.33	-125	99.9	86.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.1	0.26	11.2	409	33.1	-5.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-89.0	-50.1	-57.4	-305	-92.2	-77.7
Tiền đầu kỳ	195	159	171	117	95.0	136
Lưu chuyển tiền thuần	-35.5	3.62	-37.9	-21.9	40.8	2.66
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.14	8.25	-16.1	-0.09	0	0.00
Tiền cuối kỳ	159	171	117	4,651	136	138

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,291	4,348	-1.3%
Tài sản ngắn hạn	1,560	1,514	3.1%
Tiền và tương đương tiền	138	95.0	45.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.7	0	
Phải thu ngắn hạn	1,276	1,304	-2.2%
Hàng tồn kho	113	113	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.46	1.81	36.0%
Tài sản dài hạn	2,731	2,835	-3.7%
Phải thu dài hạn	413	388	6.5%
Tài sản cố định	2,070	2,181	-5.1%
Bất động sản đầu tư	25.6	26.2	-2.4%
Tài sản dở dang	35.9	47.7	-24.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.9	7.09	82.5%
Tài sản dài hạn khác	85.1	88.9	-4.3%
Lợi thế thương mại	87.9	96.5	-8.9%
Nợ phải trả	3,474	3,596	-3.4%
Nợ ngắn hạn	2,090	2,093	-0.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	815	865	-5.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	170	207	-17.8%
Nợ dài hạn	1,385	1,503	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,313	1,433	-8.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	816	752	8.6%
Vốn chủ sở hữu	816	752	8.6%
Vốn điều lệ	2,993	2,993	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

